

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUAN HỆ GIỮA LUẬT SƯ VỚI KHÁCH HÀNG

*Luật sư Nguyễn Thế Phong - Ủy viên Ban Thường vụ,
Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật – Liên đoàn luật sư Việt Nam*

Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam (**Quy tắc đạo đức**) được Hội đồng luật sư toàn quốc ban hành theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20/07/2011. Qua gần 10 năm áp dụng, thực hiện, Quy tắc đạo đức đã phát huy giá trị, là chuẩn mực, thước đo ứng xử để các luật sư làm căn cứ tuân thủ, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.

Quá trình thực hiện các quy tắc theo Quy tắc đạo đức (cũ), từ thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, xử lý vi phạm đã phát sinh những vấn đề cần được bổ sung, hoàn thiện. Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu, tổng hợp rộng rãi các ý kiến đóng góp từ giới luật sư, từ các cơ quan chức năng và xã hội để bổ sung, hoàn thiện Quy tắc đạo đức. Kết quả là Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam (**Bộ quy tắc đạo đức**) được Hội đồng luật sư toàn quốc ban hành theo Quyết định số 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13/12/2019, thay thế Quy tắc đạo đức.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ VIỆT NAM

1. Định hướng sửa đổi Quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư:

Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi được dựa trên cơ sở định hướng sau đây:

- Khắc phục những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Quy tắc đạo đức cũ; sửa đổi, sắp xếp lại các nội dung chồng chéo, bổ sung các nội dung mới, loại bỏ một số những quy tắc đã được pháp luật quy định để tránh trùng lặp.
- Kế thừa và phát triển những nội dung của Quy tắc đạo đức cũ hiện hành còn phù hợp với thực tiễn, truyền thống của Luật sư Việt Nam;
- Tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm, quy định về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư của một số Hiệp hội, Đoàn Luật sư trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là những nước có truyền thống nghề Luật sư tương đồng với Việt Nam.

2. Những thay đổi chính của Bộ quy tắc đạo đức so với Quy tắc đạo đức

Về Bố cục, so với Quy tắc đạo đức cũ (gồm Lời nói đầu, 06 chương và 27 quy tắc), Bộ Quy tắc đạo đức mới gồm Lời nói đầu và 32 quy tắc. Những thay đổi cụ thể như sau:

- Chương I (Quy tắc chung): Quy tắc cũ có 05 Quy tắc; Bộ Quy tắc mới còn 04 Quy tắc;
- Chương II (Quan hệ với khách hàng): Quy tắc cũ có 09 Quy tắc; Bộ Quy tắc mới có 12 Quy tắc;
- Chương III (Quan hệ với đồng nghiệp): Quy tắc cũ có 08 Quy tắc; Bộ Quy tắc mới có 09 Quy tắc;
- Chương IV (Quan hệ với cơ quan, người tiến hành tố tụng): Quy tắc cũ có 02 Quy tắc, Bộ Quy tắc mới có 03 Quy tắc;
- Chương V (Quan hệ với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác): Quy tắc cũ có 01 Quy tắc, Bộ Quy tắc mới có 02 Quy tắc;
- Chương VI (các quy tắc khác): Quy tắc cũ và Bộ quy tắc mới đều có 02 Quy tắc.

Bộ cục chung của Bộ Quy tắc mới về cơ bản vẫn giữ nguyên 06 chương, cấu trúc thành 32 quy tắc. Ngoài ra, các quy tắc trong Chương II (Quan hệ với khách hàng) còn được chia thành 4 mục nhỏ: *Những quy tắc cơ bản; Nhận vụ việc; Thực hiện vụ việc và Kết thúc vụ việc.*

Về nội dung thay đổi của Bộ quy tắc đạo đức (mới) so với Quy tắc đạo đức (cũ), trong phạm vi thời gian hạn chế của lớp trao đổi chuyên đề này, khó có thể đi sâu tìm hiểu toàn bộ 32 Quy tắc. Do vậy, tài liệu này giành thời gian nghiên cứu, trao đổi về nội dung Chương II (Quan hệ với khách hàng) là chính. Về nghiên cứu tổng quan chung của toàn bộ 32 quy tắc thì đề nghị quý luật sư đồng nghiệp tham khảo bài viết của Luật sư Nguyễn Minh Tâm - Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam đăng trên Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam ngày 04/10/2020 (***Một số điểm mới của Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam và những điểm cần lưu ý khi triển khai thực hiện; Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam – TG: Luật sư Nguyễn Minh Tâm***). Trong bài viết của Luật sư Nguyễn Minh Tâm có rất nhiều thông tin chi tiết, rất có giá trị hữu ích để các luật sư tham khảo.

II. QUAN HỆ GIỮA LUẬT SƯ VỚI KHÁCH HÀNG

1. Khái quát về các quy tắc ở Chương II (Quan hệ với khách hàng)

Bộ quy tắc đạo đức gồm Lời nói đầu, 06 Chương với 32 Quy tắc, Trong đó Chương II (Quan hệ với khách hàng) là một chương rất quan trọng, điều chỉnh trực tiếp, phổ biến và thường xuyên đối với hoạt động hành nghề luật sư.

Luật sư là hoạt động nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng trên các lĩnh vực tố tụng, tư vấn, đại diện ngoài tố tụng, thực hiện các dịch vụ pháp lý khác. Công việc hành nghề của luật sư luôn gắn với khách hàng và là quan hệ thường xuyên, phổ biến nhất trong các quan hệ liên quan đến nghề nghiệp luật sư.

Do đó, quan hệ giữa luật sư với khách hàng là quan hệ cơ bản nhất trong hoạt động nghề nghiệp luật sư.

Từ ý nghĩa đó, Bộ quy tắc đạo đức đã giành ra một chương (Chương II) được thiết kế thành 04 Mục với 12 quy tắc để quy định những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng, làm khuôn mẫu cho mỗi luật sư ứng xử, rèn luyện, tu dưỡng để giữ gìn uy tín đội ngũ luật sư và tôn vinh nghề nghiệp luật sư.

Cấu trúc Chương II (*Quan hệ với khách hàng*) Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam cụ thể như sau:

Mục 1. Những quy tắc cơ bản

Quy tắc 5. Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng

Quy tắc 6. Tôn trọng khách hàng

Quy tắc 7. Giữ bí mật thông tin

Quy tắc 8. Thù lao

Quy tắc 9. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng
(*Nội dung gồm 10 quy tắc nhỏ*)

Mục 2. Nhận vụ việc

Quy tắc 10. Tiếp nhận vụ việc của khách hàng (*nội dung gồm 05 quy tắc nhỏ*)

Quy tắc 11. Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng (*Nội dung gồm 04 quy tắc nhỏ*)

Mục 3. Thực hiện vụ việc

Quy tắc 12. Thực hiện vụ việc của khách hàng (*Nội dung gồm 04 quy tắc nhỏ*)

Quy tắc 13. Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng (*Nội dung gồm 08 quy tắc nhỏ, phân chia làm 02 trường hợp là: có thể từ chối; phải từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng*)

Quy tắc 14. Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý

Quy tắc 15. Xung đột về lợi ích (*định nghĩa và diễn giải thành nhiều trường hợp tại nhiều quy tắc nhỏ*)

Mục 4. Kết thúc vụ việc

Quy tắc 16. Thông báo kết quả thực hiện vụ việc.

2. Các vấn đề lưu ý đối với những quy tắc cơ bản

Mục 1 Chương II Bộ quy tắc đạo đức quy định “Những quy tắc cơ bản” trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng. Trong các quy tắc tại Mục 1 thì các Quy tắc 5 (*Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng*), Quy tắc 6 (*Tôn trọng khách hàng*), Quy tắc 7 (*Giữ bí mật thông tin*) có nội dung trực tiếp và dễ hiểu, không phải dẫn chiếu đến các quy tắc khác hoặc các quy định của pháp luật.

Đối với Quy tắc 8 (*Thù lao*), nội dung quy tắc yêu cầu Luật sư phải giải thích, thông báo cho khách hàng về căn cứ tính thù lao, phương thức thanh toán, thông báo rõ mức thù lao, chi phí và ghi vào Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Việc tuân thủ đúng Quy tắc này đòi hỏi các luật sư phải nghiên cứu, tìm hiểu tiếp các quy định của pháp luật liên quan đến thù lao luật sư và Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Hiện nay, quy định về thù lao luật sư, Hợp đồng dịch vụ pháp lý được quy định trong Luật luật sư, Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.

Điều 55 Luật luật sư quy định căn cứ và phương thức tính thù lao như sau:

- Mức thù lao được tính dựa trên các căn cứ: Nội dung, tính chất của dịch vụ pháp lý; Thời gian và công sức của luật sư sử dụng để thực hiện dịch vụ pháp lý; Kinh nghiệm và uy tín của luật sư;
- Thù lao được tính theo các phương thức sau đây: Giờ làm việc của luật sư; Vụ, việc với mức thù lao trọn gói; Vụ, việc với mức thù lao tính theo ***tỷ lệ phần trăm*** của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án; Hợp đồng dài hạn với ***mức thù lao cố định***.

Đối với Chi phí, Khoản 2 Điều 56 Luật luật sư quy định tiền tàu xe, lưu trú và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dịch vụ pháp lý do các bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Ngoài ra, đối với thù lao luật sư trong vụ án hình sự, Điều 18 Nghị định 123/2013/NĐ-CP quy định mức thù lao này do khách hàng và văn phòng luật sư, công ty luật thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng mức cao nhất cho 01 giờ làm việc của luật sư ***không được vượt quá 0,3 lần mức lương cơ sở*** do Chính phủ quy định. Thời gian làm việc của luật sư do luật sư và khách hàng thỏa thuận.

Quy tắc 8 (*Thù lao*) là quy tắc rất quan trọng, gắn với nghề nghiệp luật sư, do đó các luật sư cần quan tâm tuân thủ, thỏa thuận minh bạch, hợp lý khi thương lượng, ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng. Việc minh bạch về thù lao, phân chia rõ ràng trị giá thù lao theo từng giai đoạn, từng phần công việc, minh bạch thỏa

thuận về chi phí còn rất có ý nghĩa trong giải quyết tranh chấp với khách hàng, và là công cụ bảo vệ luật sư khi quan hệ giữa luật sư với khách hàng xấu đi, hoặc khi khách hàng muốn chấm dứt hợp đồng, đòi lại tiền thù lao, chi phí đã thanh toán cho luật sư.

Đối với Quy tắc 9 (*Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng*), đây là Quy tắc mà thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thường hay gặp nhiều nhất. Đồng thời, quy tắc này rất thường được áp dụng để xử lý kỷ luật đối với luật sư.

Quy tắc 9.1 (*Nhận, chiếm giữ, sử dụng tiền, tài sản của khách hàng trái với thỏa thuận giữa luật sư và khách hàng*) là quy tắc thường gặp trên thực tế, trong số các trường hợp xử lý vi phạm đối với luật sư. Biểu hiện cụ thể là thông qua hoạt động nghề nghiệp, luật sư có thể nhận những khoản tiền của khách hàng để nộp đóng án phí, đo vẽ, định giá, nhưng không thực hiện mà sử dụng cá nhân. Có trường hợp luật sư đại diện khách hàng nhận tiền thi hành án nhưng không thông báo cho khách hàng biết mà giữ để sử dụng cá nhân.

Quy tắc 9.2 (*Gợi ý, đặt điều kiện để khách hàng tặng cho tài sản hoặc lợi ích khác cho luật sư*) là quy tắc mà trong thực tiễn xử lý vi phạm thường gặp. Trên thực tế, vi phạm quy tắc này thường biến tướng thành nhiều hình thức, trong đó có hình thức lập văn bản hứa thưởng cho luật sư bằng tiền hoặc tài sản khác.

Quy tắc 9.4 (*Tạo ra hoặc lợi dụng các tình huống xấu, những thông tin sai sự thật, không đầy đủ hoặc bất lợi cho khách hàng để gây áp lực nhằm tăng mức thù lao đã thỏa thuận hoặc có được lợi ích khác từ khách hàng*) cũng là quy tắc hay vi phạm trên thực tế, thể hiện ở các hành vi sách nhiễu khách hàng nhằm trục lợi, nhận thêm những khoản tiền ngoài thù lao, chi phí đã thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 9.6 (*Thông tin trực tiếp cho khách hàng hoặc dùng lời lẽ, hành vi ám chỉ để khách hàng biết về mối quan hệ cá nhân của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhằm mục đích gây niềm tin*) là quy tắc mà một số luật sư hay vi phạm. Biểu hiện cụ thể là khoe khoang mối quan hệ với các cơ quan, cán bộ nhà nước để nhận được dịch vụ pháp lý, thậm chí nhận với mức thù lao rất cao.

Quy tắc 9.8 (*Hứa hẹn, cam kết bảo đảm kết quả vụ việc về những nội dung nằm ngoài khả năng, điều kiện thực hiện của luật sư*) là quy tắc đã từng có một số luật sư vi phạm. Biểu hiện cụ thể là hứa hẹn bào chữa với kết quả là án treo trong vụ

án hình sự. Một số trường hợp luật sư đã phân chia thang bậc năm tù (dự kiến) mà khách hàng có khả năng gánh chịu để làm căn cứ tính thù lao. Mức năm tù càng thấp thì thù lao luật sư càng cao.

3. Các vấn đề lưu ý đối với các quy tắc về nhận vụ việc của khách hàng

Mục 2 Chương II là các quy tắc về nhận vụ việc của khách hàng, bao gồm 02 Quy tắc: Quy tắc 10 (*Tiếp nhận vụ việc của khách hàng*), Quy tắc 11 (*Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng*).

Đối với Quy tắc 10 (*Tiếp nhận vụ việc của khách hàng*), từ thực tiễn vi phạm trong luật sư cho thấy có các vấn đề cần quan tâm sau đây:

- Quy tắc 10.4 quy định về nghĩa vụ giải thích của luật sư đối với khách hàng. Theo đó thì luật sư có nghĩa vụ: “*Giải thích cho khách hàng biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong quan hệ với luật sư, về tính hợp pháp trong yêu cầu của khách hàng, những khó khăn, thuận lợi có thể lường trước được trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý; quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với luật sư*”. Trên thực tế, khi có sự việc bất đồng, tranh chấp giữa luật sư với khách hàng về việc thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý thì khách hàng sẽ tranh luận nội dung từng điều khoản, nhất là các vấn đề về phạm vi công việc, thù lao, chi phí trong Hợp đồng. Do đó, để tránh khác biệt quan điểm về cách hiểu các nội dung, điều khoản của Hợp đồng, luật sư cần giải thích và ghi rõ trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý là luật sư đã giải thích, khách hàng đã được nghe giải thích về quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Quy tắc 10.5 (*Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong hợp đồng dịch vụ pháp lý phải xác định rõ yêu cầu của khách hàng, mức thù lao và những nội dung chính khác mà hợp đồng dịch vụ pháp lý phải có theo quy định của pháp luật*) là quy tắc bắt buộc luật sư phải tuân thủ. Việc ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng là yêu cầu bắt buộc đối với luật sư. Từ quy tắc này có mối liên hệ đến Điều 26 Luật Luật sư, theo đó thì luật sư phải thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được làm thành văn bản và có những nội dung chính bao gồm: *Tên, địa chỉ của khách hàng và Tổ chức hành nghề luật sư (hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân); Nội dung dịch vụ; Thời hạn thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; Các khoản chi phí (nếu có); Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp*.

Quy tắc 11 (Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng) quy định luật sư **phải từ chối** tiếp nhận vụ việc trong các trường hợp: Khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà luật sư biết rõ người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích không chính đáng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của khách hàng; Khách hàng yêu cầu dịch vụ pháp lý của luật sư mà luật sư biết rõ khách hàng có ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu của người khác; Có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng trái đạo đức, vi phạm điều cấm của pháp luật; Vụ việc của khách hàng có xung đột về lợi ích theo quy định tại Quy tắc 15.

Như vậy, Quy tắc 11 quy định nếu luật sư biết rõ các trường hợp nêu trong quy tắc thì buộc phải từ chối nhận vụ việc. Trường hợp luật sư biết rõ mà vẫn nhận vụ việc là vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

4. Các vấn đề lưu ý đối với các quy tắc về thực hiện vụ việc của khách hàng

Mục 3 Chương II gồm các quy tắc: Quy tắc 12 (*Thực hiện vụ việc của khách hàng*); Quy tắc 13 (*Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng*); Quy tắc 14 (*Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý*); Quy tắc 15 (*Xung đột về lợi ích*).

Quy tắc 12 (*Thực hiện vụ việc của khách hàng*) quy định về trách nhiệm và ứng xử của luật sư trong quá trình thực hiện vụ việc của khách hàng. Đây là giai đoạn luật sư thực hiện công việc theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, tức là cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng.

Quy tắc 12 quy định các trách nhiệm của luật sư, bao gồm:

- *Quy tắc 12.1*: Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết.

- *Quy tắc 12.2*: Luật sư nhận và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận với khách hàng.

- *Quy tắc 12.3*: Khi thực hiện vụ việc, luật sư phải có thái độ ứng xử phù hợp, tránh làm phát sinh tranh chấp với khách hàng. Nếu có bất đồng giữa luật sư và khách hàng hoặc có khiếu nại của khách hàng, luật sư cần có thái độ đúng mực, tôn trọng khách hàng, chủ động thương lượng, hòa giải với khách hàng.

- **Quy tắc 12.4:** Trong trường hợp đang cùng thực hiện một vụ việc, nếu có sự không thống nhất ý kiến giữa các luật sư có thể gây bất lợi cho khách hàng thì luật sư phải thông báo để khách hàng thực hiện quyền lựa chọn.

Quy tắc 13 (*Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng*) là Quy tắc quy định về việc luật sư được từ chối thực hiện vụ việc của khách hàng trong giai đoạn sau khi đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với khách hàng. Quy tắc này chia làm 02 phần quy định, gồm phần quy định về các trường hợp luật sư ***có thể từ chối***, và phần luật sư ***phải từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng.

Các trường hợp luật sư được quyền chọn lựa ứng xử và ***có thể từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng, gồm:

- Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;
- Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;
- Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;
- Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp;
- Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư.

Các trường hợp quy định luật sư ***phải từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng gồm:

- Có căn cứ xác định khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức;
- Phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Quy tắc 11;
- Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng.

Quy tắc 14 (*Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý*) là quy tắc quy định về thái độ, ứng xử của luật sư khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý theo Quy tắc 13, theo đó thì dù cho chấm dứt nhưng luật sư cần có thái độ tôn trọng khách hàng, thông báo bằng văn bản cho khách hàng

trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

Quy tắc 15 (*Xung đột về lợi ích*) của Bộ quy tắc mới có những nội dung thay đổi khá nhiều so với Quy tắc 11 - cũ (*Giải quyết xung đột lợi ích*). Trong Quy tắc 15 này, các nội dung định nghĩa về xung đột lợi ích mang tính bao quát hơn, rộng hơn so với Quy tắc cũ. Những phần diễn giải về các trường hợp xung đột lợi ích cũng chi tiết, cụ thể và có phạm vi rộng hơn so với quy tắc cũ.

Xung đột về lợi ích được định nghĩa tại Quy tắc 15.1, theo đó thì: *Xung đột về lợi ích là trường hợp do ảnh hưởng từ quyền lợi của luật sư, nghĩa vụ của luật sư đối với khách hàng hiện tại, khách hàng cũ, bên thứ ba dẫn đến tình huống luật sư bị hạn chế hoặc có khả năng bị hạn chế trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng.*

Quy tắc 15.1 cũng quy định: *Luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc trong trường hợp có xung đột về lợi ích, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật hoặc theo Quy tắc này* (Tức các nội dung trong Quy tắc 15).

Quy tắc 15.2 quy định trách nhiệm của luật sư trong việc chủ động tránh để xảy ra xung đột về lợi ích. Đồng thời, khi phát hiện có xung đột về lợi ích xảy ra ngoài ý muốn của luật sư thì luật sư cần chủ động thông báo ngay với khách hàng để giải quyết.

Quy tắc 15.3 quy định các trường hợp xung đột về lợi ích mà luật sư ***phải từ chối tiếp nhận vụ việc*** hoặc ***từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc*** trong các trường hợp sau đây: *Vụ việc trong đó các khách hàng có quyền lợi đối lập nhau; Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại; vụ việc khác của khách hàng là người đang có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại trong vụ việc luật sư đang thực hiện; Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với khách hàng cũ trong cùng một vụ việc hoặc vụ việc khác có liên quan trực tiếp mà trước đó luật sư đã thực hiện cho khách hàng cũ; Vụ việc của khách hàng có quyền lợi đối lập với quyền lợi của luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư; Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách người tiến hành tố tụng, cán bộ, công chức khác trong cơ quan nhà nước, trọng tài viên, hòa giải viên; Vụ việc của khách hàng do cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư.*

Quy tắc 15.3.7 quy định trường hợp luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc cho khách hàng quy định tại Quy tắc 15.3 này thì luật sư khác đang làm việc trong cùng tổ chức hành nghề luật sư cũng không được nhận hoặc thực hiện vụ việc, ngoài trừ trường hợp tại Quy tắc 15.3.4 (*Vụ việc của khách hàng có quyền lợi đối lập với quyền lợi của luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư*) và 15.3.6 (*Vụ việc của khách hàng do cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư*).

Quy tắc 15.4 quy định là luật sư vẫn có thể nhận hoặc thực hiện vụ việc trong các trường hợp tại Quy tắc 15.3, nếu có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng. Tuy nhiên, ngoại trừ các trường hợp: Các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật; Các vụ án, vụ việc tố tụng, vụ việc khiếu nại hành chính, vụ việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục trọng tài, hòa giải thương mại; Trường hợp tại Quy tắc 15.3.5 (*Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách người tiến hành tố tụng, cán bộ, công chức khác trong cơ quan nhà nước, trọng tài viên, hòa giải viên*).

5. Thực tiễn vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ với khách hàng

Theo số liệu thống kê của Liên đoàn luật sư thì kể từ giữa năm 2009 đến giữa năm 2021, Liên đoàn luật sư Việt Nam đã nhận được khoảng 1.600 trường hợp khiếu nại, tố cáo đối với luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, các Ban Chủ nhiệm, thành viên Ban Chủ nhiệm của các Đoàn luật sư. Tuy nhiên đa số là khiếu nại, tố cáo vượt cấp hoặc khiếu nại, tố cáo không đúng thẩm quyền. Có khoảng hơn 200 trường hợp là thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Qua nghiên cứu, tổng hợp thực trạng các trường hợp khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại thì hầu hết thuộc các dạng trường hợp sau đây:

- Đa số các trường hợp là khách hàng của luật sư khiếu nại đối với luật sư liên quan đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý. Chủ yếu là khách hàng không hài lòng về chất lượng công việc mà luật sư đã thực hiện so với số tiền mà khách hàng đã thanh toán cho luật sư nên khiếu nại đòi lại một phần hoặc toàn bộ tiền thù lao;
- Một số trường hợp khách hàng cho rằng luật sư hứa hẹn kết quả nhưng không làm được công việc như đã hứa;
- Một số khách hàng khiếu nại vì luật sư làm việc thiếu nhiệt tình, tắc trách hoặc có thái độ không đúng với khách hàng;

- Một số trường hợp người khiếu nại lại không phải là khách hàng của luật sư, mà là đương sự có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư;
- Một số trường hợp cơ quan tố tụng có văn bản gửi Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư để yêu cầu xử lý luật sư do cho rằng luật sư có những ứng xử không chuẩn mực khi tham gia tố tụng;
- Và gần đây, hiện tượng một số luật sư nhân danh nghề nghiệp luật sư, tư cách luật sư có nhiều phát biểu, phát ngôn trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội với nội dung sai trái, ngôn phong, thái độ thể hiện sự lệch lạc về chuẩn mực ứng xử, vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp luật sư, gây hậu quả xấu đối với lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội và làm mất uy tín đối với đội ngũ luật sư.

Theo ghi nhận từ thông tin báo cáo của các Đoàn luật sư thì **từ 2009 đến tháng 06/2021**, các Đoàn luật sư đã xử lý vi phạm khoảng 650 trường hợp, trong đó xử lý xóa tên đối với khoảng 500 luật sư. Trong số bị xóa tên thì có khoảng 400 luật sư bị ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp.HCM, và các đoàn khác xóa tên do nợ phí thành viên quá lâu và thuộc trường hợp đương nhiên bị xóa tên. Khoảng **100 luật sư bị xử lý kỷ luật xóa tên** do vi phạm nghiêm trọng Luật luật sư, đạo đức nghề nghiệp luật sư. Trong những trường hợp vi phạm kỷ luật thì đa số là vi phạm liên quan đến quan hệ giữa luật sư với khách hàng, và trong đó chủ yếu là vi phạm về việc nhận, chiếm giữ tiền của khách hàng không đúng quy định. Thậm chí, trong số đó có một số trường hợp có biểu hiện tiêu cực trong hành nghề.

Trong số các trường hợp luật sư vi phạm và phải chịu xem xét, xử lý kỷ luật thì vi phạm chủ yếu là: *Nhận tiền nhưng không thực hiện công việc; Nhận nhiều tiền nhưng làm việc thiếu trách nhiệm; Thỏa thuận về thù lao, thu tiền thù lao không đúng quy định; Sách nhiễu, vòi vĩnh khách hàng; Mượn danh nghĩa, tư cách luật sư để phát ngôn sai trái, lệch lạc, vi phạm nghiêm trọng Luật luật sư, đạo đức nghề nghiệp luật sư;*

6. Một số khuyến nghị trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng

Trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng, ngoài việc xây dựng, củng cố, duy trì, gìn giữ niềm tin của khách hàng, của xã hội theo những chuẩn mực chung của Bộ quy tắc đạo đức, trong phạm vi bài viết này, quan điểm của người viết là luật sư khi hành nghề thì cần quan tâm ứng xử đối với một số vấn đề sau đây trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng:

- Trong khâu tiếp nhận vụ việc của khách hàng, cần xác lập quan hệ dịch vụ đúng quy định. Cụ thể là giữa tổ chức hành nghề của luật sư với khách hàng phải

có hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản với đầy đủ các nội dung chính theo quy định của Điều 26 Luật luật sư, trong đó cần xác định rõ: Phạm vi và nội dung dịch vụ; thời hạn thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; Các khoản chi phí (nếu có); Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp.

- Đối với thù lao, nếu công việc là một tiến trình gồm nhiều giai đoạn, nhiều hạng mục công việc thì nên phân chia rõ là mỗi giai đoạn công việc tương ứng mức thù lao là bao nhiêu. Ví dụ, trong vụ án dân sự thì có thể phân chia làm các giai đoạn gồm: lập hồ sơ khởi kiện, giai đoạn tham gia tố tụng trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, giai đoạn từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến xét xử sơ thẩm xong, giai đoạn phúc thẩm, giai đoạn tư vấn, đại diện thi hành án dân sự, ... Tương ứng mỗi giai đoạn xác định mức thù lao cụ thể, tránh trường hợp thỏa thuận chung một số tiền trọn gói, khi xảy ra tranh chấp không phân định được công sức luật sư bỏ ra tương ứng là bao nhiêu tiền. Do đó, rất dễ dẫn đến các cách đánh giá khác nhau, có thể bất lợi cho luật sư.

- Luật sư cần thỏa thuận rõ với khách hàng, phân biệt mức giá trị ghi trong hợp đồng là bao gồm thù lao hay bao gồm cả thù lao và chi phí. Luật sư có thể thỏa thuận cách tính chi phí (các khoản ăn ở, đi lại, chi phí trang trải cho hoạt động liên quan đến công việc) với khách hàng và tách thành mục riêng trong Hợp đồng. Chi phí có thể thỏa thuận thanh toán theo thực tế hoặc trọn gói cho luật sư.

- Về căn cứ và phương thức tính thù lao, trong các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính thì tuyệt đối tránh việc thỏa thuận lập các văn bản về hứa thưởng. Luật sư nên xác lập lợi ích của mình ngay trong Hợp đồng (hoặc phụ lục hợp đồng), có thể xác định thù lao luật sư theo **tỷ lệ phần trăm** của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án. Bởi lẽ, theo Điểm đ Điều 9 Luật luật sư thì một trong các hành vi bị nghiêm cấm là “*Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý*”. Do vậy, việc thỏa thuận hứa thưởng hiện nay được hiểu là vi phạm Luật luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư.

- Khi luật sư đại diện cho khách hàng trong tố tụng, ngoài tố tụng thì giữa luật sư với khách hàng cần lập văn bản xác định rõ phạm vi đại diện, tránh trường hợp khách hàng khiếu nại, cho rằng luật sư tự ý thỏa thuận, thực hiện công việc vượt quá phạm vi đại diện, nhất là các trường hợp luật sư đại diện đàm phán, thương lượng với đối tác hoặc phía đối lập của khách hàng về những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế.

- Khi thực hiện công việc cho khách hàng theo hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, luật sư cố gắng theo dõi, nắm rõ phạm vi công việc đã thỏa thuận với khách hàng, tránh trường hợp làm thiếu công việc (không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ), hoặc làm thừa công việc (vượt phạm vi trách nhiệm). Cả hai tình huống đều có nguy cơ rủi ro khi công việc không thành công và bị khách hàng khiếu nại.

- Khi luật sư và khách hàng có bất đồng, mâu thuẫn hoặc tranh chấp và khách hàng khiếu nại thì cố gắng hòa giải, tự giải quyết, tránh cố chấp, bảo thủ quan điểm. Thực tiễn xử lý khiếu nại, tố cáo thì quan điểm người làm công tác xử lý cũng có thể có những quan điểm, góc nhìn khác nhau. Do đó, luật sư không nên chủ quan và cho rằng mình luôn đúng, khách hàng luôn sai. Khi cần thiết, luật sư cũng cần phải nhượng bộ khách hàng, hy sinh một phần lợi ích để đổi lấy sự an toàn cho vị trí nghề nghiệp.

Trong phạm vi nội dung và thời gian hạn chế, người viết chỉ nêu một số vấn đề trên gửi đến các quý luật sư đồng nghiệp tham gia lớp học để cùng trao đổi, thảo luận và làm rõ một số nội dung của Chương II Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, cùng có nhận thức tương đồng, cùng áp dụng, thực hiện thống nhất nội dung các quy tắc trong thực tiễn.

Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam được ban hành và có hiệu lực vào những ngày cuối năm 2019 (13/12/2019), cùng với Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật ban hành kèm theo Quyết định số 203/QĐ-HĐLSTQ ngày 19/12/2019 của Hội đồng luật sư toàn quốc (hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020) là hai văn bản nội bộ rất quan trọng, có thể ví như một văn bản thuộc về luật nội dung và một văn bản thuộc về luật hình thức trong nội bộ luật sư, làm công cụ giữ gìn các giá trị chuẩn mực nghề nghiệp của Đội ngũ luật sư trước xã hội, và đồng thời là căn cứ để áp dụng xử lý các hành vi vi phạm trong nội bộ tổ chức luật sư.

(Kèm theo tài liệu này là tài liệu về một số TÌNH HUỐNG THỰC TIỄN vi phạm pháp luật về luật sư, đạo đức nghề nghiệp luật sư và nội dung, quan điểm xử lý của các Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam để các luật sư đồng nghiệp cùng tham khảo).

Tháng 11/2021